TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU
CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU KHÍ VIỆT NAM
****

HỒ SƠ CHÀO GIÁ

ĐƠN HÀNG: CUNG CẤP NGUYÊN LIỆU MỰC IN PHỤC VỤ SẢN XUẤT BAO BÌ

CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU KHÍ VIỆT NAM

BÊN YÊU CẦU CHÀO GIÁ: CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU KHÍ VIỆT NAM

Cà Mau, ngày 11 tháng 11 năm 2026
ĐẠI DIỆN BÊN YÊU CẦU CHÀO GIÁ
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thanh Nhuận

<u>THÀNH VIÊN TỔ MUA SẮM</u>:

Phạm Hoài Thương

Lê Ngọc Minh Thư

Phạm Thị Ái Trân

Ngô Thị Thuý Hằng

TÓM TẮT HỒ SƠ CHÀO GIÁ

1. Bên Yêu cầu chào giá: Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam

2. Tên Đơn hàng: "Cung cấp nguyên liệu mực in phục vụ sản xuất bao bì".

3. Nguồn vốn: Vốn SXKD của Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam.

4. Loại hợp đồng: Đơn giá cố định.

5. Thời gian thực hiện giao hàng: Giao hàng theo từng đợt, trong vòng 05 ngày kể từ ngày PPC xác nhận đặt hàng.

6. Thời hạn thanh toán: Trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận hàng và hồ sơ thanh toán hợp lệ.

7. Thời gian có hiệu lực của Chào giá là: 30 ngày, kể từ ngày có thời điểm đóng chào giá. Chào giá nào có thời hạn hiệu lực ngắn hơn quy định sẽ không được tiếp tục xem xét, đánh giá.

8. Nộp Chào giá: NCC nộp trực tiếp hoặc gửi Chào giá theo đường bưu điện đến địa chỉ của bên mời chào giá nhưng phải đảm bảo bên mời chào giá nhận được trước thời điểm đóng chào giá là **15 giờ 00 ngày 20 tháng 11 năm 2026.**

9. Mở Chào giá: Thời điểm mở chào giá là **15 giờ 30 ngày 20 tháng 11 năm 2026.**

10. Đồng tiền tham dự chào giá và đồng tiền thanh toán là: VND (đồng Việt Nam)

11. Tư cách hợp lệ của Nhà cung cấp: Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật

12. Quy cách HSCG và chữ ký trong HSCG:

Nhà cung cấp phải cung cấp hồ sơ chào giá/ đơn chào giá (bản gốc) và giấy phép đăng ký kinh doanh (bản scan).

HSCG/đơn chào giá được đại diện hợp pháp của NCC hoặc người được ủy quyền hợp pháp ký tên, đóng dấu. Đối với NCC liên danh, Chào giá/đơn chào giá phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu hoặc thành viên đứng đầu liên danh thay mặt liên danh ký chào giá/đơn chào giá theo thỏa thuận trong văn bản thỏa thuận liên danh

13. Làm rõ, sửa đổi HSCG:

13.1 Làm rõ HSCG

Trong trường hợp cần làm rõ HSCG, Nhà cung cấp phải gửi văn bản đề nghị làm rõ đến bên Yêu cầu chào giá muộn nhất trước ngày có thời điểm đóng chào giá 02 ngày làm việc. Khi nhận được đề nghị làm rõ HSCG của Nhà cung cấp, bên Yêu cầu chào giá sẽ có văn bản trả lời gửi cho Nhà cung cấp có yêu cầu làm rõ trong đó mô tả nội dung yêu cầu làm rõ. Trường hợp việc làm rõ dẫn đến phải sửa đổi HSCG thì bên Yêu cầu chào giá tiến hành sửa đổi HSCG theo thủ tục quy định tại Khoản 2 Mục này

13.2 Sửa đổi HSCG

Trường hợp sửa đổi HSCG, bên Yêu cầu chào giá sẽ gửi quyết định sửa đổi kèm theo những nội dung sửa đổi đến Nhà cung cấp đã nhận HSCG tối thiểu là 02 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng chào giá, trường hợp không đủ 02 ngày làm việc thì bên yêu cầu chào giá sẽ thông báo gia hạn thời điểm đóng thầu tương ứng.

Nhằm giúp Nhà cung cấp có đủ thời gian để sửa đổi HSCG, bên Yêu cầu chào giá có thể gia hạn thời điểm đóng chào giá quy định tại Mục 8.

14. Làm rõ HSCG bên bán

Nhà cung cấp được tự gửi tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm của mình đến bên yêu cầu chào giá trước thời điểm đóng chào giá. Bên yêu cầu chào giá có trách nhiệm tiếp nhận những tài liệu làm rõ của Nhà cung cấp để xem xét, đánh giá; các tài liệu làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm được coi như một phần của HSCG

Việc làm rõ phải bảo đảm không làm thay đổi bản chất của Nhà cung cấp, không làm thay đổi nội dung cơ bản của HSCG đã nộp (chủng loại hàng hóa, ...) và không thay đổi giá chào

15. Điều kiện được lựa chọn

Nhà cung cấp được xem xét, đề nghị ký kết hợp đồng khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

- Có HSCG hợp lệ

- Đáp ứng về năng lực kinh nghiệm

- Các nội dung về kỹ thuật đáp ứng yêu cầu

- Có sai lệch thiếu không quá 10% giá chào

- Có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá và sau khi tính ưu đãi (nếu có) thấp nhất

- Có giá đề nghị trúng thầu không vượt dự toán Đơn hàng được phê duyệt

16. Thông báo kết quả lựa chọn Nhà cung cấp

Sau khi nhận được thông báo kết quả lựa chọn Nhà cung cấp, nếu Nhà cung cấp không được lựa chọn có văn bản hỏi về lý do không được lựa chọn thì trong thời gian tối đa 03 ngày làm việc nhưng phải trước ngày ký hợp đồng, bên Yêu cầu chào giá sẽ có văn bản trả lời gửi cho Nhà cung cấp.

TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ CHÀO GIÁ

Mục 1. Kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của chào giá

NCC có Chào giá hợp lệ được xem xét, đánh giá tiếp về năng lực kinh nghiệm. NCC có Chào giá không hợp lệ thì sẽ bị loại và không được xem xét đánh giá các nội dung tiếp theo.

Chào giá của NCC được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

Stt	Tiêu chí đánh giá tính hợp lệ của Chào giá	Đánh giá	
		Đạt	**Không đạt**
1.1	Bản Chào giá	Có bản Chào giá gốc	Không có bản gốc Chào giá
1.2	Nội dung Chào giá/Đơn chào giá	- Chào giá/Đơn chào giá được đại diện hợp pháp của NCC ký tên, đóng dấu theo yêu cầu của HSCG. Đối với NCC liên danh, Chào giá/đơn chào giá phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu hoặc thành viên đứng đầu liên danh thay mặt liên danh ký chào giá/đơn chào giá theo thỏa thuận trong văn bản thỏa thuận liên danh. - Giá chào ghi trong Chào giá/Đơn chào giá phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp với tổng giá chào ghi trong biểu giá tổng hợp, không đề xuất các giá chào giá khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên yêu cầu chào giá	- Không có Chào giá/Đơn chào giá; hoặc Chào giá/Đơn chào giá không được đại diện hợp pháp của NCC ký tên, đóng dấu theo yêu cầu của HSCG. Đối với NCC liên danh, Chào giá/đơn chào giá không phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu hoặc thành viên đứng đầu liên danh thay mặt liên danh ký Chào giá/đơn chào giá theo thỏa thuận trong văn bản thỏa thuận liên danh. - Giá chào ghi trong chào giá/đơn chào giá không cụ thể; không cố định bằng số, bằng chữ; hoặc/và không phù hợp với tổng giá chào ghi trong biểu giá tổng hợp; NCC đề xuất các giá chào giá khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên yêu cầu chào giá.
1.3	Thời gian hiệu lực của Chào giá	Đáp ứng yêu cầu của HSCG	Không đáp ứng yêu cầu của HSCG
1.4	Thời gian thanh toán	Đáp ứng yêu cầu của HSCG	Không đáp ứng yêu cầu của HSCG
1.5	Tên của NCC tham gia nộp Chào giá	Không có tên trong hai hoặc nhiều Chào giá với tư cách là NCC chính (NCC độc lập hoặc thành viên trong liên danh)	Có tên trong hai hoặc nhiều Chào giá với tư cách là NCC chính (NCC độc lập hoặc thành viên trong liên danh)

1.6	NCC tham gia đấu thầu theo hình thức liên danh	Có thỏa thuận liên danh được đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có). Trong thỏa thuận liên danh phải nêu rõ phần công việc của Đơn hàng mà từng thành viên trong liên danh đảm nhận.	Thỏa thuận liên danh không được đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu. Trong thỏa thuận liên danh không nêu rõ phần công việc của Đơn hàng mà từng thành viên trong liên danh đảm nhận.

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực kinh nghiệm

NCC có Chào giá hợp lệ (đánh giá đạt) được xem xét, đánh giá tiếp về năng lực kinh nghiệm.

TT	Nội dung đánh giá	Tiêu chuẩn đánh giá	
		Đạt	**Không đạt**
1	NCC cung cấp tối thiểu 01 hợp đồng tương tự (bản copy) trong khoảng thời gian từ 01/01/2024 đến thời điểm đóng thầu. Hợp đồng cung cấp mực in/dung môi ngành bao bì. Giá trị hợp đồng đã từng thực hiện **≥ 375.000.000 đồng.** Cung cấp kèm theo giấy tờ chứng minh tình hình thực hiện hợp đồng (hóa đơn/ biên bản giao nhận/ biên bản nghiệm thu...)	Đáp ứng yêu cầu	Không đáp ứng yêu cầu

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Chào giá của NCC sẽ được đánh giá theo tiêu chí "Đạt", "Không Đạt". Chào giá của NCC được xem là"Đạt về mặt kỹ thuật" khi tất cả các tiêu chí đánh giá về mặt kỹ thuật được đánh giá là "Đạt". Trường hợp một trong số các tiêu chí dưới đây được đánh giá "Không đạt" thì sẽ không xem xét các tiêu chí còn lại của Mục này. NCC đánh giá đạt kỹ thuật được xem xét, đánh giá tiếp về giá chào.

Stt	Nội dung đánh giá	Tiêu chuẩn đánh giá	
		Đạt	**Không đạt**
1	Số lượng theo biểu phạm vi cung cấp.	Đáp ứng yêu cầu	Không đáp ứng yêu cầu
2	Tiêu chuẩn kĩ thuật theo biểu phạm vi cung cấp	Đáp ứng yêu cầu	Không đáp ứng yêu cầu
3	Tiến độ thực hiện theo HSCG	Đáp ứng yêu cầu	Không đáp ứng yêu cầu
4	Cam kết cung cấp COA/CO (hàng nhập khẩu) hàng hoá khi giao hàng	Có cam kết	Không có cam kết
5	Địa điểm giao hàng	Tại kho PPC	Không phải tại kho PPC
6	Thời gian bảo hành	≥ 6 tháng kể từ ngày nghiệm thu	≤ 6 tháng kể từ ngày nghiệm thu

Stt	Nội dung đánh giá	Tiêu chuẩn đánh giá	
		Đạt	Không đạt
KẾT LUẬN		ĐẠT	KHÔNG ĐẠT

Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về giá

Việc đánh giá về giá sẽ được thực hiện theo phương pháp giá thấp nhất

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá chào giá;

Bước 2. Sửa lỗi số học;

Bước 3. Hiệu chỉnh sai lệch;

Bước 4. Xác định giá chào giá sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

Bước 5. Xếp hạng nhà cung cấp:

HSCG có giá chào giá sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất

I. PHẠM VI CUNG CẤP

Stt	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kĩ thuật	ĐVT	Số lượng
1	Mực in	-Màu sắc: Màu xanh lá theo Pantone P141-7C - Độ bám dính: giật băng keo ≥90%.	Kg	2.250
2	Mực in	-Màu sắc: Màu đỏ theo pantone P52-8C - Độ bám dính: giật băng keo ≥90%.	Kg	1.500
3	Mực in	-Màu sắc: Màu vàng theo pantone P1-8C - Độ bám dính: giật băng keo ≥90%.	Kg	450
4	Mực in	-Màu sắc: Màu tím, theo pantone 072 C - Độ bám dính: giật băng keo ≥90%.	Kg	150
5	Mực in	- Màu sắc: xanh dương, theo Pantone 2766 C - Độ bám dính: giật băng keo ≥ 90%.	Kg	90
6	Dung môi nhanh khô	- Độ nhớt (Rogo cup #4): 6 ± 2 giây.	Kg	6.600
7	Dung môi chậm khô	- Độ nhớt (Rogo cup #4): 6 ± 2 giây.	Kg	300

II. BIỂU MẪU CHÀO GIÁ

Stt	Tên hàng hoá	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Hàng hoá thứ 1				
2	Hàng hoá thứ 2				
3	Hàng hoá thứ n....				
Cộng					
Thuế VAT ....%					
Tổng cộng đã bao gồm thuế					

Bằng chữ:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

HỢP ĐỒNG

Về việc cung cấp hàng hóa phục vụ sản xuất bao bì

Số:

- *Căn cứ Bộ Luật Dân sự ngày 24/11/2015;*
- *Căn cứ Luật Thương mại ngày 14/6/2005;*
- *Căn cứ vào nhu cầu và khả năng của hai bên,*

Hôm nay, ngày tháng năm 2026, tại Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam (PPC), chúng tôi gồm có:

BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU KHÍ VIỆT NAM (PPC)
Mã số thuế: 1900.437.757
Địa chỉ: Lô A 1-3, KCN Trà Kha, Phường Bạc Liêu, tỉnh Cà Mau.
Điện thoại: 0291.3957555
Số tài khoản 111.0000.58702 tại Ngân hàng Vietinbank – chi nhánh Bạc Liêu.
Đại diện bởi:
Chức vụ:
Theo UQ số *(nếu có)*
*(Sau đây gọi tắt là "**BÊN A/ PPC**")*

VÀ

BÊN B:
Mã số thuế:
Địa chỉ:
Điện thoại:
Số tài khoản:
Đại diện bởi:
Chức vụ:
Theo UQ số *(nếu có)*

(*Sau đây gọi tắt là* ***"BÊN B/…"*****)**

Cùng thỏa thuận, đồng ý ký kết hợp đồng với các điều khoản như sau:

ĐIỀU 1: **ĐỐI TƯỢNG HỢP ĐỒNG**

Bên A đồng ý mua và Bên B đồng ý bán phụ gia (sau đây gọi tắt là Hàng hóa) với chi tiết hàng hóa, số lượng, thông số kỹ thuật như sau:

STT	Hàng Hóa	Thông Số Kỹ Thuật	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành Tiền (VNĐ)
1	Mực in	-Màu sắc: Màu xanh lá theo Pantone P141-7C - Độ bám dính: giật băng keo ≥90%.	Kg	2.250		
2	Mực in	-Màu sắc: Màu đỏ theo pantone P52-8C - Độ bám dính: giật băng keo ≥90%.	Kg	1.500		
3	Mực in	-Màu sắc: Màu vàng theo pantone P1-8C - Độ bám dính: giật băng keo ≥90%.	Kg	450		
4	Mực in	-Màu sắc: Màu tím, theo pantone 072 C - Độ bám dính: giật băng keo ≥90%.	Kg	150		
5	Mực in	- Màu sắc: xanh dương, theoPantone 2766 C - Độ bám dính: giật băng keo ≥ 90%.	Kg	90		
6	Dung môi nhanh khô	- Độ nhớt (Rogo cup #4): 6 ± 2 giây.	Kg	6.600		
7	Dung môi chậm khô	- Độ nhớt (Rogo cup #4): 6 ± 2 giây.	Kg	300		
Tổng cộng						
Thuế VAT …%						
Tổng cộng thành tiền bao gồm thuế						

ĐIỀU 2: GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG

1. Giá trị hợp đồng (đã bao gồm thuế VAT): *(Bằng chữ:)*
2. Hình thức hợp đồng: đơn giá cố định
3. Giá trị hợp đồng nêu trên đã bao gồm chi phí vận chuyển, thuế VAT theo quy định hiện hành và tất cả các chi phí liên quan khác để Bên B cung cấp và giao hàng theo đúng quy định của Hợp đồng cho Bên A.

ĐIỀU 3: CHẤT LƯỢNG HÀNG HÓA

1. Bên B bảo đảm rằng Hàng hóa cung cấp theo hợp đồng này là mới 100%, chưa qua sử dụng, phù hợp với các tiêu chuẩn của nhà sản xuất như quy định tại Điều 1 của Hợp đồng này.
2. Hàng hóa cung cấp theo Hợp đồng này không sản xuất trước 08/2026.
3. Thùng đựng hàng hóa không bị hư hỏng, vỡ, biến dạng, sét rỉ, ăn mòn.

4. Hàng hóa phải được đóng gói, bảo quản đúng tiêu chuẩn quy định, màu sắc như Pantone yêu cầu.

ĐIỀU 4: GIAO NHẬN HÀNG HÓA

1. Thời gian và địa điểm giao hàng:

Hàng hóa sẽ được Bên B giao cho Bên A theo thời gian và địa điểm được quy định cụ thể như sau:

- Giao hàng trong vòng 05 ngày kể từ ngày bên A xác nhận đặt hàng (qua mail/fax/điện thoại,..). Địa điểm: Tại Kho Công ty PPC Lô A1-3, KCN Trà Kha, Phường Bạc Liêu, tỉnh Cà Mau.

Bên B sẽ giao hàng trực tiếp hoặc chỉ định một đơn vị vận tải thực hiện việc giao hàng cho Bên A. Các Bên kiểm đếm thực tế và ký xác nhận chứng từ giao nhận hàng hóa.

2. Xếp dỡ hàng hóa

Chi phí bốc Hàng Hóa lên xe do Bên B chịu, chi phí bốc hàng hóa xuống xe do Bên A chịu.

3. Thông báo giao hàng:

Trước khi giao hàng, Bên B phải thông báo bằng văn bản/email/điện thoại cho Bên A trước tối thiểu [01] ngày làm việc trước ngày chính thức giao hàng. Nội dung thông báo giao hàng phải đủ để xác định hợp đồng, thời gian và hàng hóa được giao.

Bên A có quyền từ chối nhận hàng nếu không nhận được thông báo này.

Trường hợp một trong hai Bên (Bên A/Bên B) có phát sinh hoặc thay đổi kế hoạch giao nhận so với Hợp đồng đã ký thì một trong hai Bên đó phải có thông báo ngay cho Bên kia và các Bên sẽ thống nhất lại kế hoạch giao nhận cho phù hợp.

4. Các giấy tờ kèm theo khi giao hàng:

- Chứng nhận phân tích của bên B (bản gốc)
- Biên bản giao nhận hàng hóa (bản gốc)

5. Kiểm tra, nghiệm thu hàng hóa tại kho của Bên A

- Khi giao nhận Hàng hóa, Bên A sẽ kiểm tra số lượng, chất lượng hàng hóa theo quy định của Hợp đồng đã được ký kết. Trường hợp Bên A thấy rằng Hàng hóa hóa do Bên B cung cấp không đúng số lượng hoặc không đạt chất lượng như quy định Hợp đồng, Bên A sẽ lập biên bản có xác nhận của các thành viên liên quan và niêm phong lô hàng, đồng thời thông báo bằng văn bản cho Bên B.

- Trường hợp cần thiết, Bên A sẽ chỉ định một Đơn vị giám định độc lập để giám định tình trạng số lượng, chất lượng Hàng hóa. Bên A sẽ thông báo cho Bên B thời gian tiến hành giám định. Việc giám định độc lập không nhất thiết phải có mặt đại diện của Bên B. Biên bản giám định số lượng, chất lượng Hàng hóa do Đơn vị giám định độc lập kết luận là cơ sở pháp lý để Bên A khiếu nại và đòi Bên B bồi thường, thay thế Hàng hóa bị lỗi. Chi phí thuê giám định độc lập do Bên có lỗi chịu.

- Số Hàng hóa được xác định không đạt yêu cầu so với quy định của Hợp đồng sẽ được Bên B đổi lại toàn bộ trong thời gian sớm nhất nhưng không vượt quá 07 ngày kể từ ngày thông báo. Các chi phí liên quan do Bên B chịu.

ĐIỀU 5: THANH TOÁN

1. Đồng tiền thanh toán: Việt Nam đồng.

2. Hình thức thanh toán: Chuyển khoản (phí chuyển khoản do Bên A chịu).

3. Phương thức thanh toán: Thanh toán 100% giá trị hàng hóa trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hàng hóa và hồ sơ thanh toán của từng đợt giao hàng**.** Hồ sơ thanh toán bao gồm:

- Giấy đề nghị thanh toán (bản gốc);
- Hóa đơn VAT do bên B phát hành;
- Biên bản giao nhận hàng hóa giữa hai bên (bản gốc);
- Biên bản nghiệm thu hàng hóa giữa hai bên (bản gốc);
- Chứng nhận phân tích COA của NSX (bản gốc);

ĐIỀU 6: BẢO HÀNH

1. Thời gian bảo hành của Hàng hóa là 06 tháng kể từ ngày Bên B giao hàng cho Bên A và được nghiệm thu Hàng hóa giao đúng theo yêu cầu của Hợp đồng. Trong thời gian bảo hành, nếu Bên A phát hiện có hư hỏng, sai sót về chất lượng Hàng hóa thì Bên A sẽ thông báo kịp thời bằng văn bản cho Bên B. Bên B phải phối hợp với Bên A tiến hành xác minh sai sót về chất lượng trong vòng 03 ngày kể từ ngày Bên B nhận được thông báo. Việc xác minh phải được lập thành biên bản, trong biên bản hai Bên phải có kết luận rõ ràng về nguyên nhân gây ra hư hỏng, xác định trách nhiệm sửa chữa các hư hỏng đó.

2. BÊN B sẽ trong vòng 05 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Bên A bằng chi phí của mình phải khắc phục xong khuyết tật nếu về mặt kỹ thuật có thể khắc phục được, hoặc phải cấp bù/ đổi lại Hàng hóa mới để thay thế tại kho của Bên A. Mọi phí tổn gửi trả Hàng hóa khuyết tật cho Bên B và gửi Hàng hóa mới thay thế cho Bên A sẽ do Bên B chịu.

3. Nếu Bên B tiến hành sửa chữa Hàng hóa hoặc đổi lại Hàng hóa mới bị chậm so với thời hạn quy định tại Khoản 2 và 3 Điều 6 của Hợp đồng này thì Bên B phải chịu phạt theo mức phạt giao hàng chậm quy định tại Điều 7.

4. HÀNG HÓA được thay thế sẽ bảo hành tương đương theo quy định tại Khoản 1 Điều 6 của Hợp đồng này và thời gian bảo hành Hàng hóa sẽ được tính từ thời điểm Hàng hóa được thay thế. Mọi chi phí liên quan đến khuyết tật, lỗi Hàng hóa mà Bên A phải chịu sẽ được Bên A trừ vào giá trị của Hợp đồng trừ khi có sự thoả thuận khác.

5. BÊN B không bảo hành cho trường hợp sử dụng, vận hành, bảo dưỡng không đúng theo các quy định của nhà sản xuất và do các nguyên nhân bất khả kháng.

ĐIỀU 7: PHẠT VI PHẠM HỢP ĐỒNG

1. Phạt chậm giao hàng: Nếu Bên B giao hàng chậm, không đúng thời hạn quy định trong hợp đồng thì bên B sẽ chịu phạt mỗi ngày 0,05 % giá trị đơn hàng giao chậm. *Tổng giá trị phạt do chậm thực hiện không vượt quá 8% giá trị hợp đồng.*

2. Phạt do chậm thanh toán: Trong trường hợp bên A thanh toán không đúng thời hạn theo quy định trong hợp đồng mà không có bất cứ lý do khách quan nào thì bên A sẽ phải chịu phạt chậm thanh toán mỗi ngày là 0,05% giá trị đơn hàng chậm thanh toán. *Tổng giá*

trị phạt vi phạm không vượt quá 8% giá trị hợp đồng.

ĐIỀU 8: BỒI THƯỜNG THIỆT HẠI

Nếu một trong các Bên không thực hiện, thực hiện không đúng hoặc không đầy đủ các nghĩa vụ của mình theo quy định của hợp đồng này và/hoặc quy định pháp luật dẫn đến việc gây ra thiệt hại cho Bên còn lại thì ngoài nghĩa vụ phạt vi phạm hợp đồng được quy định tại Điều 6, Bên vi phạm có nghĩa vụ bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Bên bị vi phạm. Ngoài nghĩa vụ bồi thường thiệt hại, Bên vi phạm, bằng chi phí của mình, phải áp dụng các biện pháp cần thiết để khắc phục hậu quả của hành vi vi phạm nhằm tránh hoặc hạn chế các thiệt hại có thể xảy ra với Bên bị vi phạm.

ĐIỀU 9: THAY ĐỔI, ĐIỀU CHỈNH HỢP ĐỒNG

1. Bất kỳ sai khác hoặc thay đổi đối với các tiêu chuẩn kỹ thuật hoặc các điều kiện quy định trong Hợp đồng chỉ có hiệu lực khi có sự đồng ý trước bằng văn bản của Bên A. Bên A có quyền yêu cầu Bên B thực hiện bất kỳ thay đổi nào đối với Hợp đồng trong phạm vi khả năng và nguồn lực của Bên B vào bất kỳ lúc nào. Ngay khi nhận được yêu cầu của Bên A, Bên B phải nhanh chóng thực hiện yêu cầu thay đổi ngay cả khi giá hợp đồng và thời gian giao hàng phát sinh vẫn chưa được các Bên thống nhất. Mọi thay đổi sẽ được thể hiện dưới dạng Phụ lục bổ sung của Hợp đồng.

2. Bất kỳ việc điều chỉnh giá hợp đồng do Yêu cầu phát sinh/Thay đổi sẽ được thực hiện theo đơn giá trong Hợp đồng. Trong trường hợp đơn giá không có trong Hợp đồng, Bên B có trách nhiệm cung cấp cho Bên A tất cả các cơ sở, bằng chứng của chi phí phát sinh do Yêu cầu phát sinh/Thay đổi để Bên A xem xét, đánh giá.

ĐIỀU 10: SỰ KIỆN BẤT KHẢ KHÁNG

Khi một Bên không thể thực hiện một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ theo Hợp Đồng này do hậu quả trực tiếp của Sự Kiện Bất Khả Kháng thì Bên chịu ảnh hưởng bởi Sự Kiện Bất Khả Kháng đó ("Bên Bị Trở Ngại") sẽ không bị xem là vi phạm Hợp Đồng. Vào thời điểm xảy ra Sự Kiện Bất Khả Kháng, Bên Bị Trở Ngại lập tức thông báo cho Bên kia bằng văn bản về sự kiện đó trong vòng bảy (07) ngày kể từ khi xảy ra sự kiện.

ĐIỀU 11: TẠM DỪNG, CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

1. Tạm dừng thực hiện hợp đồng

- Bên B phải ngừng toàn bộ hoặc một phần thực hiện Hợp đồng khi có Lệnh tạm dừng của Bên A. Trong thời gian tạm dừng Hợp đồng, Bên B phải bảo vệ và đảm bảo an toàn cho Hàng hóa.

- Việc ảnh hưởng đến thời gian giao hàng và chi phí liên quan trong khoảng thời gian tạm dựng theo Lệnh tạm dừng do Bên A chịu trách nhiệm, ngoại trừ trường hợp tạm dừng Hợp đồng do lỗi vi phạm Hợp đồng của Bên B sẽ do Bên B chịu toàn bộ trách nhiệm. Chậm nhất là (07) ngày kể từ khi có Lệnh tạm dừng, các Bên phải tổ chức họp để xác định nguyên nhân và tìm biện pháp để có thể tiếp tục thực hiện Hợp đồng. Bên B chỉ tiếp tục thực hiện Hợp đồng khi có yêu cầu bằng văn bản của Bên A. Mức chi phí và thời gian phát sinh do Lệnh tạm dừng sẽ do hai Bên thoả thuận thống nhất.

2. Chấm dứt hợp đồng:

Trừ trường hợp hai bên có thỏa thuận khác, Hợp đồng được chấm dứt trong các trường

hợp như sau: Bên B chậm trễ trong việc giao hàng quá (15) ngày kể từ thời điểm giao hàng theo quy định của Hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được Bên A gia hạn; hoặc Tình huống Bất khả kháng xảy ra liên tục trong (30) ngày như quy định tại Điều 9; Bên B bị phá sản, giải thể; Hai Bên đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình nêu trong Hợp đồng này. Bên A (hoặc Bên B) chấm dứt hợp đồng phải thông báo bằng văn bản trong vòng (07) ngày làm việc cho Bên B (hoặc Bên A) về việc chấm dứt.

ĐIỀU 12: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

1. Mọi tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến đến hợp đồng sẽ được ưu tiên giải quyết bằng thương lượng và hòa giải trên tinh thần tôn trọng quyền lợi của các Bên.

2. Trường hợp không giải quyết được thông qua thương lượng và hòa giải thì tranh chấp được đưa ra Tòa án có thẩm quyền tại nơi Bên A đặt trụ sở để giải quyết theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 13: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

1. Mọi thay đổi, hiệu chỉnh, bổ sung phải có sự thương thảo thống nhất, được lập thành văn bản và có chữ ký của người có thẩm quyền của cả hai bên;

2. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày được các Bên ký kết và Hợp đồng tự động thanh lý sau khi hai bên hoàn tất các nghĩa vụ quy định tại Hợp đồng.

Hợp đồng này được lập thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 02 bản, Bên B giữ 02 bản

ĐẠI DIỆN BÊN B	**ĐẠI DIỆN BÊN A**